

Phó Tổng biên tập phụ trách
PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH

Hội đồng biên tập

GS. TS. VŨ DŨNG
GS. TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC
GS. TS. PHẠM HỒNG QUANG
GS. TS. THÁI VĂN THÀNH
GS. TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN
Mr. DANNY GAUCH - HH TBGD THẾ GIỚI
ThS. NHŨ NGỌC MINH - CTHH - CTHĐBT
PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH
PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN
PGS. TS. NGUYỄN XUÂN THỨC
PGS. TS. Đại tá MAI VĂN HÓA
PGS. TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN
PGS. TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ
PGS. TS. BÙI VĂN HỒNG
PGS. TS. THÁI THẾ HÙNG
PGS. TS. LÊ VĂN GIÁO
PGS. TS. PHẠM VĂN THUẬN
PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HƯỜNG
PGS. TS. TRẦN THỊ MINH HẰNG
PGS. TS. NGUYỄN NHƯ AN
PGS. TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN
PGS. TS. LÊ HIẾU HỌC
PGS. TS. BÙI VĂN HÙNG
TS. BÙI ĐỨC TỬ
TS. THÁI VĂN LONG

Tòa soạn

P 47, nhà A1, số 68 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng,
TP. Hà Nội
Tel/zalo: 0988775566
Email: tapchitbgd@gmail.com
Website: <https://tapchithietbigiaoduc.vn>

Tài khoản: 0101613475555

Ngân hàng TMCP Quân đội,
chi nhánh Thăng Long Hà Nội

Giấy phép xuất bản:

Số 21/GP-BVHTTDL Ngày 21/04/2025
của Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch

Thiết kế và Chế bản:

Đoàn Ngoan
In tại Công ty TNHH In - Thương mại
và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Giá: 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng)

MỤC LỤC

- ♦ **Lê Anh Thư:** Xây dựng video tương tác hỗ trợ dạy học khái niệm tích vô hướng của hai vector ở lớp 10. 1
- ♦ **Hà Quốc Tuấn:** Một nghiên cứu thực tế về thiết kế và mô phỏng chiếu sáng sử dụng phần mềm Relux. 4
- ♦ **Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Thanh Ngân:** Ứng dụng phần mềm thiết kế chiếu sáng trong giảng dạy Học phần Kỹ thuật chiếu sáng. 7
- ♦ **Nguyễn Thu Thủy:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế học liệu số hỗ trợ dạy học ở trường tiểu học hiện nay. 10
- ♦ **Dương Thị Hà:** Ứng dụng ChatGPT trong thiết kế kế hoạch bài học môn Toán phổ thông. 13
- ♦ **Nguyễn Thị Nhung, Hoàng Thùy Dương, Vũ Thị Thuận:** Ứng dụng Canva AI và Notebooklm trong thiết kế hoạt động học tập môn Toán tại FPT polyschool Hà Nội. 16
- ♦ **Nguyễn Thị Phượng Liên, Vũ Duy Trọng, Ngô Thị Hồng Hoa, Phạm Thị Tình, Nguyễn Mai Đăng Quyên, Tô Bích Ni, Hoàng Quốc Trung, Nguyễn Hữu Duy Khang:** Thiết kế và tổ chức dạy học các chủ đề trải nghiệm, thực hành Hóa học hữu cơ lớp 11 theo định hướng E-STEM. 19
- ♦ **Khuru Phương Yến Anh:** Thiết kế quy trình dạy học dự án kết hợp lớp học đảo ngược trong Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cho sinh viên ngành Sư phạm Sinh học. 22
- ♦ **Hòa Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Hằng:** Khai thác AI hỗ trợ học sinh tối ưu hóa thiết kế sản phẩm STEM “Đèn học điều chỉnh cường độ sáng” trong dạy học vật lí 11. 26
- ♦ **Trần Anh Khoa:** Thiết kế mô hình giá thực hành hàn đa năng phục vụ đào tạo nghề công nghệ ô tô tại Trường Cao đẳng Huế. 30
- ♦ **Đoàn Thị Tuyết Vân:** Đề xuất khung khối lượng kiến thức tối thiểu và chuẩn năng lực đối với ngành Thiết kế đồ họa trình độ trung cấp và cao đẳng 33
- ♦ **Nguyễn Hữu Tình, Hoàng Thu Huyền:** Đề xuất tiến trình tổ chức dạy học Chủ đề “Phát triển xe điện (Electric Vehicles - EVS)” theo mô hình STSE nhằm bồi dưỡng tư duy phản biện cho học sinh. 36
- ♦ **Cao Hồng Vân:** Tác động của công cụ AI tạo sinh đến năng lực tự học của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục. 40
- ♦ **Lê Tố Hương:** Từ kinh nghiệm thực tế: Kết hợp phân tích hình thái từ, Game hóa và AI trong dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành tại Trường Đại học Dược Hà Nội. 44
- ♦ **Phạm Sỹ Liên, Trần Công Thức:** Số hóa bài giảng, ứng dụng AI trong đào tạo thực hành ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô tại Trường Đại học Thái Bình. 47
- ♦ **Trần Minh Nhật, Hồ Quốc Cừ:** Nghiên cứu ứng dụng mô hình CIPO vào phương pháp đánh giá năng lực quản lý lớp học của giáo viên trường trung học cơ sở tại phường Tịnh Biên, tỉnh An Giang. 51
- ♦ **Lê Hải Yến:** Đề xuất giải pháp ứng dụng Generative AI trong giảng dạy các môn lý luận chính trị tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 54
- ♦ **Nguyễn Thị Thanh Thúy:** Ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả dạy học Học phần trang trí cơ bản cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Tây Bắc. 57
- ♦ **Trần Lương Trà:** Đánh giá thực trạng thiết bị đào tạo và hoạt động cải tiến, sáng chế thiết bị tự làm tại Khoa Kinh tế và Nông lâm, Trường Cao đẳng Kon Tum: Nghiên cứu mô hình hệ thống tưới và chăm phân tự động. 60
- ♦ **Trần Việt:** Nghiên cứu xây dựng Chatbot Agent hỗ trợ tra cứu tài liệu thư viện dựa trên Hybrid information retrieval và mô hình ngôn ngữ lớn. 63
- ♦ **Phạm Thanh Tâm:** Công nghệ AI trong giáo dục - những thách thức tiềm ẩn. 66
- ♦ **Nguyễn Quang:** Vai trò của Chatbot AI trong việc nâng cao hiệu quả xử lý công việc của cán bộ, công chức cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính. 69
- ♦ **Trần Quốc Cường:** Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số đối với chuyên ngành Điều khiển và tự động hóa trong giai đoạn hiện nay 72
- ♦ **Trịnh Lê Hoàng Tuấn:** Trí tuệ nhân tạo trong chuyển đổi số quốc gia tại Việt Nam: Thực trạng, thách thức và định hướng phát triển. 75

♦ Lê Phạm Thị Thu Oanh: Phát triển năng lực sử dụng công nghệ số và truyền thông cho sinh viên sư phạm tại Trường Đại học Tiền Giang.	78
♦ Nguyễn Thị Vân Anh: Mối liên hệ giữa việc sử dụng công nghệ và khả năng tư duy độc lập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung.	81
♦ Nguyễn Tùng Sơn: Phát triển tư duy biện chứng cho học sinh thông qua dạy học Chương “Quan hệ vuông góc trong không gian” – Toán 11.	84
♦ Nguyễn Văn Truyền: Bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 6 trong dạy học Chủ đề “Phân số”.	88
♦ Đào Tấn Thịnh: Ứng dụng AI trong dạy học: Chủ đề Ba đường Conic lớp 10 theo định hướng phát triển năng lực học sinh.	92
♦ Nguyễn Phương Thảo, Võ Thanh Trúc, Ngô Trần Quốc Duy: Dạy học giá trị lượng giác của một góc lượng giác ở lớp 11 thông qua học tập trải nghiệm.	95
♦ Nguyễn Thị Ngọc Lương: Nhân vật Lily Briscoe trong Tiểu thuyết “Tới ngọn hải đăng” của Virginia Woolf và sự giải thoát khỏi định kiến thời đại.	100
♦ Trần Thị Hạnh Lợi, Võ Thị Kim Chi, Nguyễn Văn Hiếu: Nghiên cứu hoạt động viện trợ quân sự của Mỹ cho Pháp tại Việt Nam (1950 - 1954) và vận dụng trong dạy học lịch sử Việt Nam ở cấp phổ thông.	104
♦ Huỳnh Mỹ Linh: Rèn luyện dự đoán tình huống sư phạm khi dạy môn Tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.	108
♦ Đỗ Minh Hương: Giáo dục sinh viên về giá trị văn hóa của Mộc bản Triều Nguyễn.	111
♦ Bùi Thị Ánh Hồng: Vận dụng phương pháp học tập qua dự án (PBL) nhằm kết nối môn Ngữ văn với kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên FPT Polyschool.	114
♦ Nguyễn Chánh Luận: Sử dụng văn học bằng tiếng Anh vào thiết kế các câu hỏi trong đề thi tiếng Anh bậc trung học.	119
♦ Nguyễn Thị Thanh Bằng: Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về sự sẵn sàng sử dụng AI tạo sinh trong lớp học tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ.	122
♦ Trần Thị Thuý Lan: Đánh giá tiếng Anh ở cấp đại học miền núi phía bắc theo CEFR: Thực trạng, thách thức và cách cải thiện.	125
♦ Lê Thị Kim Ngân: Tác động của phương pháp dạy học tích cực đến kết quả học tập môn Tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Tân Trào.	128
♦ Le Thi Ngan: Solutions to enhance students' self-learning skills through the online learning management system at Tay Do University.	131
♦ Ngô Đức Hồng, Hồ Ngọc Kim Uyên: Implementing digital transformation in the Mekong delta region after consolidation and mergers: Advantages, difficulties, and orientation.	134
♦ Dau Thi Thanh: A comparative study of indirect requests in English and Vietnamese.	138
♦ Nguyễn Thị Thanh Diệu, Lê Hùng Vũ: Exploring the effects of combined chatGPT-assisted and teacher-mediated feedback on Ielts opinion essay writing performance among second-year efl students in Vietnam.	146
♦ Tô Thị Ngọc Huyền, Hứa Thị Tường Vi: Business English – Vietnamese consecutive interpreting: Common challenges among English majors.	149
♦ Bùi Thị Kim Hằng: English hedges and pragmatic competence development.	153
♦ Huỳnh Ngọc Ngân, Hứa Thị Tường Vi: The application of video in teaching spoken to general french majors students.	156
♦ Phan Thái Anh Thư: Hoạt động chơi giả vờ: Một bối cảnh tương tác có ý nghĩa trong dạy học tiếng Anh mầm non	160
♦ Lê Đình Tuấn: Khảo sát hành vi ngôn ngữ chào hỏi trong tiếng Hàn của sinh viên khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.	163
♦ Lê Thanh Tùng: Quá trình Brexit của nước Anh và những hệ quả.	167
♦ Phạm Hữu Chung: Đối chiếu ẩn dụ tri nhận của từ chỉ sự già hóa trong tiếng Hàn và tiếng Việt: Trường hợp “나이” và “già”.	170
♦ Lê Anh Thư: Các loại hình vị trong tiếng Hàn đối chiếu với tiếng Việt.	173
♦ Đỗ Thị Thuý Hà, Hồ Thị Nguyệt Thắng, Nguyễn Thu Thủy: Nâng cao hiệu quả dạy bài khóa tiếng Trung Quốc theo định hướng phát triển năng lực người học.	176
♦ Phạm Thị Thanh Vân: Đào tạo tiếng Trung khoa học và công nghệ trong bối cảnh chuyển đổi giáo dục từ tiếp cận từ tiếng Trung tổng quát sang tiếng Trung chuyên ngành.	179
♦ Nguyễn Bích Ngọc: Nghiên cứu hàm ý hội thoại của loại hình nghệ thuật Tượng thanh Trung Quốc trong Chương trình “Đêm hội xuân Tượng Thanh Đài truyền hình Thiên tân 2026” và ứng dụng trong việc giảng dạy kỹ năng giao tiếp tiếng Trung.	184
♦ Trương Thị Hồng Nhung: Đổi mới phương pháp giảng dạy Học phần Luật Thương mại 1 từ thực tiễn đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học tại Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum.	187
♦ Trần Thị Thiên Hương, Bùi Đình Thắng: Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo thông qua ứng dụng công nghệ thông tin tại các trường đại học hiện nay.	191
♦ Phạm Thị Thương: Nghiên cứu tâm lý sẵn sàng của sinh viên ngành Quản trị nhân lực, Học viện Hành chính và Quản trị công trong học tập theo mô hình đồng kiến tạo tri thức.	195

♦ Phạm Thị Thắng: Thực trạng và giải pháp giảng dạy tin học cho sinh viên tại Trường Đại học Y khoa Vinh trong bối cảnh chuyển đổi số.	198
♦ Thái Thị Minh Châu: Năng lực thích ứng nghề nghiệp của viên chức hành chính trước yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục đại học.	201
♦ Phạm Xuân Cường: Các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng học tập của trẻ 5-6 tuổi trong giai đoạn chuyển tiếp từ giáo dục mầm non lên giáo dục tiểu học.	205
♦ Lê Thị Thu Hương: Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định với việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và phát triển nhân lực số hiện nay.	208
♦ Phan Hà Nữ Diễm, Phạm Thị Huỳnh, Nguyễn Thị Thu Trang: Phát triển năng lực thực nghiệm hóa học của học sinh trung học phổ thông theo định hướng STEM: Thực tiễn tại Trường Trung học phổ thông Sông Ray, thành phố Đồng Nai.	211
♦ Nguyễn Văn Tứ, Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Thị Kim Chi: Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng thư viện số Trường Đại học Lâm nghiệp.	215
♦ Quách Việt Tú: Gen Z và sự thay đổi văn hóa học đường trong sinh viên Trường Đại học Kiên Giang.	218
♦ Triệu Vĩnh Viêm: Lưu trữ dữ liệu đánh giá chuẩn đầu ra theo tiến độ học tập: Nền tảng cho tự đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo.	221
♦ Nguyễn Thanh Thủy, Trần Mậu Chung: Đổi mới mục tiêu dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn ở Trường Sĩ quan Quân đội theo hướng phát triển năng lực.	225
♦ Cao Thị Lệ Hoa, Nguyễn Thị Thủy: Nâng cao năng lực dạy học khoa học tự nhiên tích hợp cho giáo viên trung học cơ sở vai trò từ công tác quản lý chuyên môn.	229
♦ Trần Hải Sâm, Huỳnh Vinh Lợi: Quản trị tài nguyên trong xưởng thực hành - giải pháp tối ưu hóa chi phí trong đào tạo nghề Cắt gọt kim loại.	232
♦ Nguyễn Thị Kim Liên: Các mô hình lý thuyết về chia sẻ tri thức trong tổ chức.	235
♦ Nguyễn Thị Kim Liên, Cao Văn Trường: Quản trị tri thức tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển trong kỷ nguyên số.	238
♦ Nguyễn Thành Tâm: Bảo mật dữ liệu của học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp trong thời đại số: Thực trạng và giải pháp.	241
♦ Kiều Thị Thu: Thiết kế đề cương môn học: từ ý tưởng tới thực hành.	244
♦ Nguyễn Thị Thanh Hòa: Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.	247
♦ Nguyễn Lê Vương Ngọc: Xây dựng mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo các trường đại học ngoài công lập ở thành phố Hồ Chí Minh.	250
♦ Trần Minh Hải, Lê Tiến Mười: Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên tại Trường Cao đẳng Kinh tế công nghiệp Hà Nội trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.	252
♦ La Thị Bích Ngọc, Nguyễn Phương Thanh, Trần Thị Lan: Biện pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm làm việc nhóm nhằm phát triển kỹ năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi ở Trường Mầm non Song ngữ The Light Academy.	256
♦ Phùng Thị Minh: Thực trạng hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học trên địa bàn xã Mê Linh và xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.	259
♦ Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Trần Thu Hà: Dạy học trải nghiệm môn Hoạt động trải nghiệm lớp 1.	262
♦ Đỗ Minh Thu: Bồi dưỡng kỹ năng xã hội cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.	265
♦ Phan Thị Thanh Hương, Phạm Thị Hoài, Hoàng Minh Thuận, Vũ Mạnh Hào: Nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kỹ thuật chế biến món ăn thông qua hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp tại cuộc thi Đầu bếp vàng quốc tế Hải phòng mở rộng 2026.	268
♦ Đặng Thị Hương, Ngô Tuấn Ngọc: Phát triển năng lực số của học sinh trong dạy học Vật lý ở trường THPT: cơ sở lý luận và định hướng mô hình tích hợp công cụ số	271
♦ Vũ Quang Ngọc: Phát triển đội ngũ giảng viên đại học theo định hướng của Đảng: Từ khuôn khổ pháp lý đến thực tiễn tại Đại học Bách khoa Hà Nội.	274
♦ Vũ Hồng Mai, Đỗ Thị Hà: Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận chính trị tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I hiện nay.	277
♦ Nguyễn Thị Vóc: Tăng cường sự tương tác của sinh viên trong các lớp học sĩ số đông: Kinh nghiệm từ việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.	280
♦ Tô Thị Thái: Giải pháp nâng cao năng lực số cho giáo viên khoa Lý luận chính trị và Khoa học xã hội nhân văn, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II trong kỷ nguyên mới.	283
♦ Giáp Thị Dịu: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp trong đào tạo giáo viên giáo dục chính trị ở Trường Đại học Tây Bắc.	286
♦ Phạm Thu Trà: Phát triển tư duy lý luận cho sinh viên thông qua giảng dạy môn Triết học tại Trường Đại học Tân Trào.	289
♦ Võ Thị Mỹ Linh: Pháp luật về học phí trong bối cảnh tự chủ tài chính đại học ở Việt Nam.	292
♦ Vũ Diệu Linh: Giá trị thặng dư - hòn đá tảng của kinh tế chính trị Mác-Lênin.	295
♦ Bùi Thị Kim Xuân: Giáo dục lý luận chính trị trong kỷ nguyên số: Định hình thế giới quan cho sinh viên hiện nay.	298

♦ Trương Thị Thuý: Nâng cao bản lĩnh chính trị và rèn luyện đạo đức cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số.	301
♦ Lê Anh Thơ: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết tôn giáo trong giai đoạn cách mạng hiện nay.	305
♦ Võ Thị Thanh Thuý: Một số giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy học phần lý Sinh tại Trường Đại học Y khoa Vinh.	308
♦ Nguyễn Đình Tuấn: Đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	312
♦ Nguyễn Văn Tuấn Anh, Nguyễn Trọng Yên: Trung tâm GDQP&AN - Đại học Huế trong vai trò bồi dưỡng bản lĩnh chính trị và lý tưởng cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số.	315
♦ Phan Thị Trúc Linh: Nâng cao chất lượng dạy học Học phần Giải phẫu người cho sinh viên ngành Sư phạm Sinh học tại Trường Đại học An Giang.	318
♦ Trương Thị Thanh Hoài, Đặng Nguyễn Hồng Ngọc: Thực hành chăm sóc và giáo dục sức khỏe răng miệng cho trẻ mầm non của giáo viên và phụ huynh trong phòng ngừa sâu răng.	322
♦ Nguyễn Mai Hương, Hoàng Văn Phong: Thực trạng sử dụng một số dịch vụ chăm sóc sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam.	325
♦ Nguyễn Văn Lượm: Giáo dục tính cách văn hoá đặc trưng của người Việt vùng Tây Nam bộ cho giới trẻ trong bối cảnh hội nhập và phát triển.	328
♦ Lò Minh Thảo, Nguyễn Thị Thùy Linh: Nâng cao vai trò của cố vấn học tập trong hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số tại Trường Đại học Tây Bắc.	331
♦ Lê Như Hoa: Xung đột giữa phong cách giáo dục của cha mẹ và nhu cầu tự chủ của vị thành niên trong kỷ nguyên số: Vai trò trung gian của điều chỉnh cảm xúc.	334
♦ Võ Thị Tina: Giáo dục truyền thống văn hóa cho sinh viên qua di sản làng nghề Thanh Liều.	337
♦ Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Hữu Anh Vũ: Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp giảm chấn thương cho sinh viên học nội dung bóng chuyền tại Trường Cao đẳng Thương mại.	340
♦ Nguyễn Quốc Việt, Phạm Văn Tuấn: Tổng quan các nghiên cứu về thể lực chuyên môn môn Bơi lội trong các nghiên cứu quốc tế và xu hướng ứng dụng tại Việt Nam.	344
♦ Trịnh Toàn Tâm, Nông Thái Hưng: Đánh giá nhu cầu tập luyện bóng đá cho sinh viên ngành Bác sĩ đa khoa năm thứ nhất Trường Đại học Y dược Thái Nguyên.	347
♦ Đỗ Thế Hồng: Nghiên cứu lựa chọn bài tập phát triển sức mạnh tốc độ Đòn chân cơ bản cho nam sinh viên câu lạc bộ Vovinam Trường cao đẳng FPT Polytechnic Đà Nẵng.	350
♦ Trương Minh Hải: Lựa chọn các test đánh giá sức bền chuyên môn cho nữ vận động viên chạy 800m lứa tuổi 16-17 đội tuyển điền kinh tỉnh Đắk Lắk.	353
♦ Nguyễn Thị Kim Anh, Nguyễn Thị Thảo: Lựa chọn test đánh giá trình độ tập luyện thể lực cho nam vận động viên karate lứa tuổi 14-15 thành phố Đà Nẵng.	356
♦ Nguyễn Thị Hồng Nhung, Lê Hà Vân: Thực trạng quản lý hoạt động xử lý học vụ trực tuyến tại Trường Cao đẳng FPT Polytechnic Hà Nội.	360
♦ Nguyễn Thị Bích Hằng: Biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý lưu học sinh Lào tại Ký túc xá 16 Lâm Hoàng, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế.	363
♦ Kiều Thị Lý: Quản lý các yếu tố bồi dưỡng kỹ năng làm việc nhóm cho giáo viên các trường tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	366
♦ Ngô Thị Loan: Nâng cao hiệu quả quản lý các lớp liên kết đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.	369
♦ Nguyễn Thị Hải Hòa: Quản lý đào tạo nghề kỹ thuật chế biến món ăn ở Trường Cao đẳng Du lịch Hải Phòng trong bối cảnh chuyển đổi số.	372
♦ Đinh Đắc Trang: Nghiên cứu về chính quyền cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.	376
♦ Trần Hoài Bảo, Đặng Quốc Hưng: Đổi mới phương pháp giảng dạy mô đun bảo tồn và nuôi dưỡng động vật rừng theo định hướng thực hành nghề nghiệp.	379
♦ Nguyễn Minh Thương: Địa vị lịch sử và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản đương đại nhìn từ tác phẩm “Tư bản” của C. Mác.	382
♦ Nguyễn Thị Thái Huyền: Nghiên cứu thiết kế và phát triển Robot UR5 thu hoạch nho thông minh ứng dụng thị giác RGB và phân loại Độ chín bằng mạng CNN cho nông nghiệp công nghệ cao.	385
♦ Phan Hữu Trung, Lê Hồng Xuân, Lê Anh Duy, Nguyễn Minh Quân: Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia và xây dựng nhãn hiệu tập thể Thanh Long chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp và hàm ý giáo dục.	388
♦ Nguyễn Thị Lý, Nguyễn Thu Thủy, Lê Nguyễn Thanh Nhà: Nghiệp vụ cho vay và thế tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại Tpbank, chi nhánh Long Khánh - Thực trạng giải pháp.	391
♦ Nguyễn Thị Lý, Võ Thị Từ Hiếu, Bùi Thị Hương Giang: Phân tích hiệu quả hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á – chi nhánh Trảng Bàng Dài giai đoạn 2023-2025.	394
♦ Lê Minh Vĩ, Phạm Văn Trường, Phan Thị Ngọc Ánh: Mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội doanh nghiệp với lòng trung thành của khách hàng: Vai trò trung gian của sự hài lòng khách hàng trong ngành Đồ uống có cồn tại thành phố Đà Nẵng.	397
♦	